

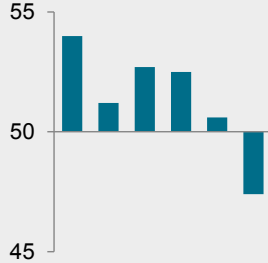
PMI® Ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global

Số lượng đơn đặt hàng mới giảm lần đầu tiên trong 14 tháng

47.4

PMI NGÀNH SẢN XUẤT
VIỆT NAM
THÁNG 11/2022

PMI Ngành sản xuất
Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện



Sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm giảm trở lại

Đồng tiền giảm giá làm tăng thêm chi phí đầu vào

Giá bán hàng giảm trong bối cảnh nhu cầu giảm

Các điều kiện kinh tế thế giới xấu đi đã khiến ngành sản xuất Việt Nam suy giảm trong tháng 11. Sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, việc làm và hoạt động mua hàng đã giảm trở lại, trong khi niềm tin kinh doanh cũng giảm mạnh.

Đồng tiền giảm giá cũng ảnh hưởng đến các nhà sản xuất trong tháng khiến chi phí đầu vào tăng nhanh hơn một chút. Trong khi đó, giá cả đầu ra đã giảm lần đầu tiên kể từ tháng 8/2020.

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Manufacturing Purchasing Managers' Index™ (PMI®) - ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global giảm xuống dưới ngưỡng trung tính 50 điểm trong tháng 11, từ đó kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 13 tháng. Với kết quả 47,4 điểm so với 50,6 điểm của tháng 10, chỉ số kỳ này một lần nữa cho thấy các điều kiện kinh doanh suy giảm mạnh trong tháng.

Số lượng đơn đặt hàng mới ngành sản xuất giảm lần đầu tiên trong 14 tháng vào giữa quý cuối của năm, chủ yếu phản ánh nhu cầu trên thị trường quốc tế đang yếu đi. Trên thực tế, số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới đã giảm nhanh hơn so với tổng

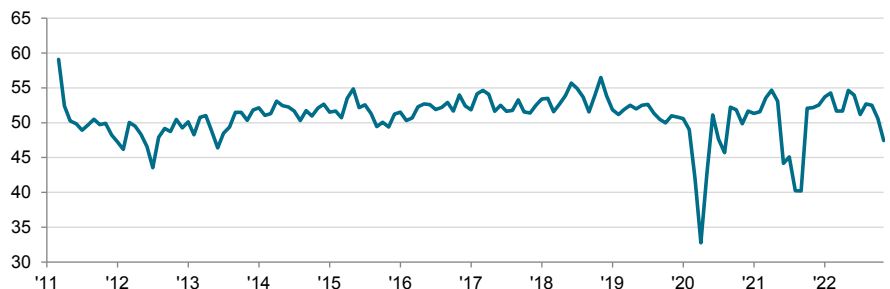
số lượng đơn đặt hàng mới. Một số thành viên nhóm khảo sát ghi nhận xuất khẩu giảm cũng nhắc đến ảnh hưởng của biến động tỷ giá bất lợi lên giá cả, và chiến tranh ở U-crai-na.

Với số lượng đơn đặt hàng mới giảm, các nhà sản xuất Việt Nam cũng giảm sản lượng, và đây là lần giảm đầu tiên kể từ tháng 3. Tốc độ giảm là mạnh và nhanh nhất kể từ tháng 9/2021. Các công ty sản xuất hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa trung gian có sản lượng giảm, trong khi các công ty sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản có sản lượng tiếp tục giảm.

Cũng giống như xu hướng của sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới, việc làm và hoạt động mua hàng được ghi nhận tiếp tục giảm trong tháng 11. Việc làm giảm lần đầu tiên trong tám tháng. Ngoài việc phản ánh mức sụt giảm của số lượng đơn đặt hàng mới, số lượng nhân viên giảm cũng phản ánh nỗ lực giảm chi phí ở một số công ty.

Hoạt động mua hàng hóa đầu vào giảm đã kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 13 tháng và khiến tồn kho hàng mua giảm lần thứ hai liên tiếp. Hàng tồn kho sau sản xuất cũng giảm.

PMI Ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global
Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



Nội dung

Tổng quan và bình luận

Sản lượng và nhu cầu

Kỳ vọng kinh doanh

Việc làm và công suất

Hoạt động mua hàng

Giá cả

Các hạng mục được báo cáo

PMI quốc tế

Phương pháp luận

Thông tin thêm

Nhu cầu hàng hóa đầu vào giảm đã giúp một số nhà cung cấp tăng tốc độ giao hàng trong tháng 11. Tuy nhiên, tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu và nhiên liệu. Kết quả là, thời gian giao hàng đã bị kéo dài thêm lần đầu tiên trong bốn tháng.

Mặc dù chi phí đầu vào tăng với một tốc độ tương đối chậm trong kỳ khảo sát này, tốc độ tăng giá đã nhanh hơn thành mức cao của bốn tháng. Các thành viên nhóm khảo sát cho biết đồng tiền giảm giá so với đô la Mỹ là một nhân tố chính dẫn đến tăng giá cả đầu vào.

Trong khi chi phí đầu vào tăng với tốc độ nhanh hơn trong tháng 11, áp lực lạm phát vẫn ở mức nhẹ giúp các nhà sản xuất có thể giảm giá để kích thích nhu cầu. Giá bán hàng đã giảm lần đầu tiên kể từ tháng 8/2020.

Niềm tin kinh doanh giảm mạnh do số lượng đơn đặt hàng mới giảm và những lo ngại về nhu cầu trên thị trường quốc tế. Tâm lý kinh doanh giảm xuống mức thấp nhất trong 14 tháng. Hy vọng nhu cầu sẽ phục hồi trong năm tới giúp một số công ty vẫn lạc quan về triển vọng sản lượng trong 12 tháng tới.



Bình luận

Andrew Harker, Giám đốc Kinh tế tại S&P Global Market Intelligence, nói:

“Trong bản công bố PMI tháng trước chúng tôi cho rằng đã có những dấu hiệu cầu giảm trên thế giới phản ánh vào ngành sản xuất của Việt Nam. Bức tranh đã tối hơn đáng kể trong tháng 11 khi số lượng đơn đặt hàng mới, xuất khẩu, sản lượng, việc làm và hoạt động mua hàng đều giảm. Với niềm tin kinh doanh cũng bị giảm, ngành sản xuất có vẻ như có một kết thúc khó khăn cho năm 2022.

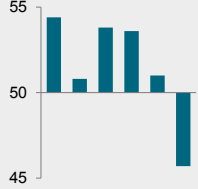
Một điểm đáng quan tâm khác của khảo sát PMI kỳ này là ảnh hưởng của việc giảm giá đồng Việt Nam gần đây so với đô la Mỹ. Điều này đã làm tăng chi phí đầu vào và góp phần làm giảm số lượng đơn đặt hàng mới. Tuy nhiên, mức tăng chi phí vẫn tương

đối nhẹ nên các công ty vẫn có thể giảm giá bán hàng để kích thích nhu cầu.”

Sản lượng và nhu cầu

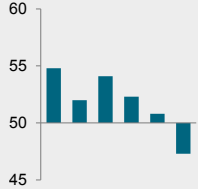
Chỉ số sản lượng

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



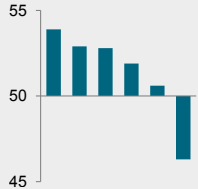
Chỉ số đơn đặt hàng mới

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Chỉ số đơn đặt hàng xuất khẩu mới

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Sản lượng

Dữ liệu tháng 11 cho thấy sản lượng ngành sản xuất ở Việt Nam tiếp tục giảm, từ đó kết thúc thời kỳ tăng kéo dài bảy tháng. Hơn nữa, tốc độ giảm là mạnh và đáng kể nhất kể từ tháng 9/2021. Các số liệu thống kê chưa đầy đủ cho thấy sản lượng giảm phản ánh tình trạng số lượng đơn đặt hàng mới giảm. Các công ty sản xuất hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa trung gian có sản lượng giảm, nhưng các công ty sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản có sản lượng tăng.

Đơn đặt hàng mới

Nhu cầu thị trường giảm khi các điều kiện kinh tế toàn cầu xấu đi khiến số lượng đơn đặt hàng mới giảm vào giữa quý cuối cùng của năm. Đây là lần giảm đầu tiên trong 14 tháng. Cũng giống như sản lượng, lĩnh vực hàng hóa tiêu dùng và hàng hóa trung gian có số lượng đơn đặt hàng mới giảm.

Đơn đặt hàng xuất khẩu mới

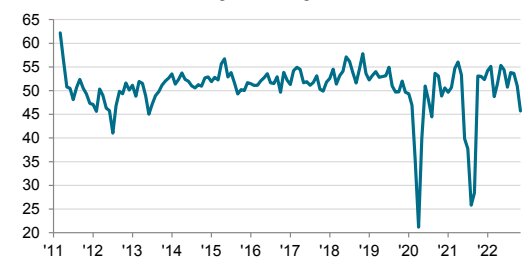
Nhu cầu quốc tế giảm đã được phản ánh qua số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm, và tốc độ giảm là mạnh hơn so với tổng số lượng đơn đặt hàng mới. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm mạnh đã kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 13 tháng. Một số người trả lời khảo sát cho biết biến động bất lợi của tỷ giá khiến giá cả tăng làm khó kiếm khách hàng hơn, trong khi những người khác cho rằng chiến tranh ở U-crai-na đã có ảnh hưởng tiêu cực lên nhu cầu quốc tế.

Chỉ số sản lượng

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

45.7

Tháng 11/2022

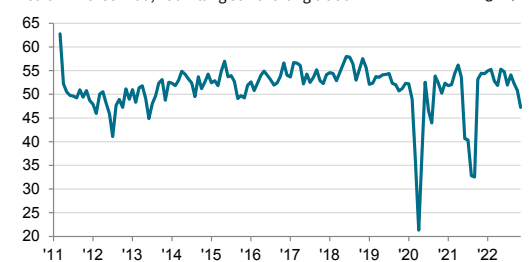


Chỉ số đơn đặt hàng mới

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

47.3

Tháng 11/2022

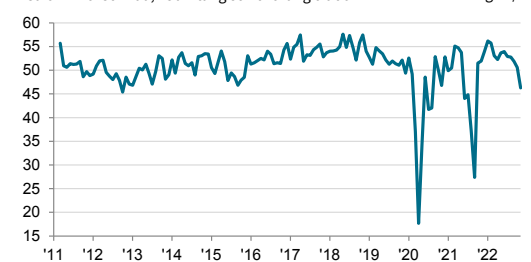


Chỉ số đơn đặt hàng xuất khẩu mới

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

46.3

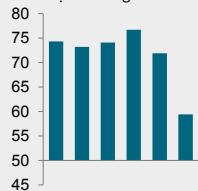
Tháng 11/2022



Kỳ vọng kinh doanh

Chỉ số sản lượng tương lai

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
>50 = dự kiến tăng



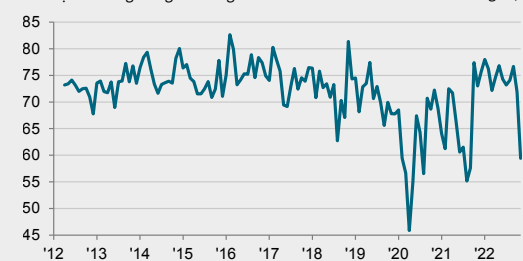
Số lượng đơn đặt hàng mới giảm và những lo ngại về tình hình nhu cầu trên thế giới đã làm giảm mạnh niềm tin kinh doanh trong tháng 11. Tâm lý kinh doanh giảm về mức thấp nhất kể từ tháng 9/2021. Những người trả lời khảo sát dự báo sản lượng tăng trong 12 tháng tới hy vọng nhu cầu sẽ phục hồi trong năm tới.

Chỉ số sản lượng tương lai

>50 = dự kiến tăng trong 12 tháng tới

59.4

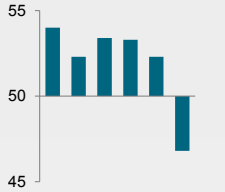
Tháng 11/2022



Việc làm và công suất

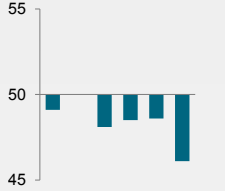
Chỉ số việc làm

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



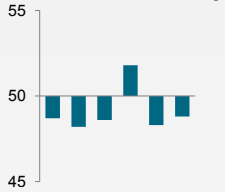
Chỉ số công việc chưa được thực hiện

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Chỉ số hàng tồn kho thành phẩm

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Việc làm

Các nhà sản xuất Việt Nam trong tháng 11 ghi nhận việc làm giảm lần đầu tiên trong thời gian tám tháng. Số lượng nhân viên giảm mạnh và mức độ là lớn nhất trong thời kỳ một năm. Ở những nơi lực lao động giảm, các thành viên nhóm khảo sát cho rằng nguyên nhân là do số lượng đơn đặt hàng mới giảm và các công ty cố gắng tiết kiệm chi phí. Cũng có một số báo cáo về các trường hợp nghỉ việc tự nguyện.

Công việc chưa được thực hiện

Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm khiến các nhà sản xuất tiếp tục có thể giải quyết lượng công việc chưa thực hiện trong tháng 11. Lượng công việc tồn đọng đã giảm tháng thứ tư liên tiếp, và tốc độ giảm là nhanh nhất kể từ tháng 6/2021.

Hàng tồn kho thành phẩm

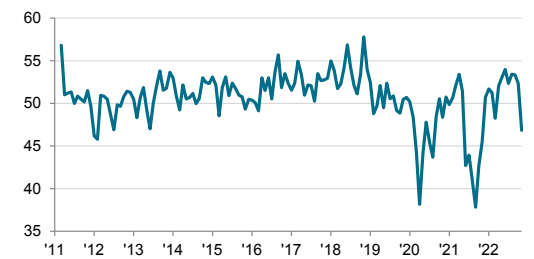
Dữ liệu của tháng 11 cho thấy tồn kho thành phẩm của ngành sản xuất Việt Nam giảm tháng thứ hai liên tiếp, mặc dù mức giảm chỉ là nhẹ và yếu hơn so với tháng 10. Một số công ty cho biết sản phẩm được giao cho khách hàng khiến hàng tồn kho sau sản xuất giảm, nhưng việc giảm sản lượng trong bối cảnh số lượng đơn đặt hàng mới giảm cũng là một nguyên nhân.

Chỉ số việc làm

46.8

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

Tháng 11/2022



Chỉ số công việc chưa được thực hiện

46.1

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

Tháng 11/2022

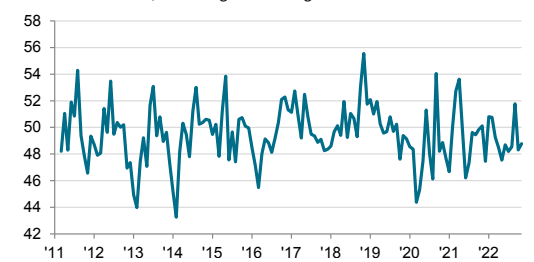


Chỉ số hàng tồn kho thành phẩm

48.8

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

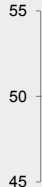
Tháng 11/2022



Hoạt động mua hàng và hàng tồn kho

Chỉ số số lượng hàng mua

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Số lượng hàng mua

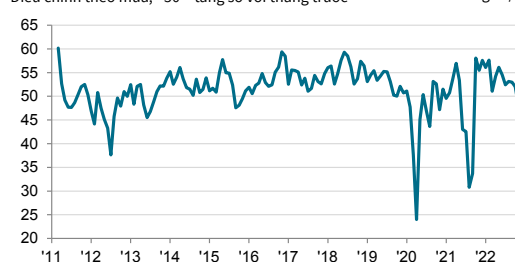
Sau khi tăng liên tục trong 13 tháng đến tháng 10, hoạt động mua hàng đã giảm trong tháng 11. Theo những người trả lời khảo sát, hoạt động mua hàng hóa đầu vào giảm thường phản ánh nhu cầu sản xuất giảm. Mức giảm của hoạt động mua hàng là mạnh.

Chỉ số số lượng hàng mua

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

47.7

Tháng 11/2022



Chỉ số thời gian giao hàng của nhà cung cấp

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = thời gian nhanh hơn



Thời gian giao hàng của nhà cung cấp

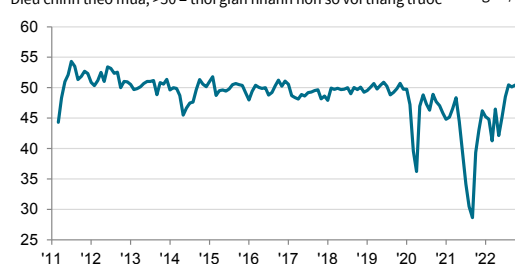
Thời gian giao hàng của nhà cung cấp trong tháng 11 đã bị kéo dài, từ đó kết thúc thời kỳ ba tháng cải thiện hiệu suất hoạt động người bán hàng. Tuy nhiên, mức độ suy giảm hiệu suất chỉ là nhẹ. Ở những nơi thời gian giao hàng bị kéo dài, các thành viên nhóm khảo sát nhắc đến tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu và nhiên liệu. Mặt khác, nhu cầu hàng hóa đầu vào giảm cho thấy một số nhà cung cấp đã có thể tăng tốc độ giao hàng.

Chỉ số thời gian giao hàng của nhà cung cấp

Điều chỉnh theo mùa, >50 = thời gian nhanh hơn so với tháng trước

49.6

Tháng 11/2022



Chỉ số tồn kho hàng mua

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Tồn kho hàng mua

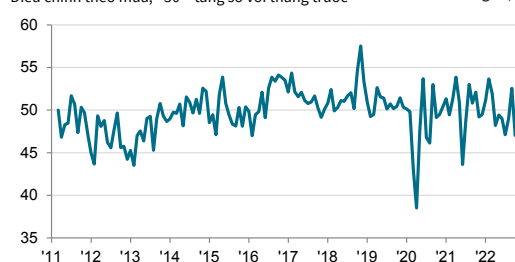
Hoạt động mua hàng giảm khi các công ty điều chỉnh theo mức giảm của số lượng đơn đặt hàng mới đã khiến tồn kho hàng mua giảm trong tháng 11, và đây là lần giảm thứ hai trong hai tháng. Tuy nhiên, tốc độ giảm chỉ là nhẹ và là yếu hơn so với tháng 10.

Chỉ số tồn kho hàng mua

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

49.2

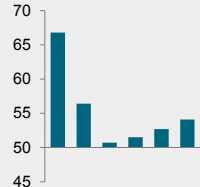
Tháng 11/2022



Giá cả

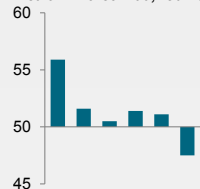
Chỉ số giá cả đầu vào

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
 Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Chỉ số giá cả đầu ra

Tháng 6/2022 - Tháng 11/2022
 Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng



Giá cả đầu vào

Tốc độ tăng chi phí đầu vào trong tháng 11 vẫn nằm dưới mức trung bình của chỉ số, mặc dù đã tăng thành mức nhanh nhất trong bốn tháng. Tình trạng giảm giá đồng Việt Nam so với đô la Mỹ là một nhân tố chính dẫn đến tăng giá cả đầu vào gần đây, trong khi cũng có các báo cáo về tình trạng tăng giá nguyên vật liệu và khí đốt.

Giá cả đầu ra

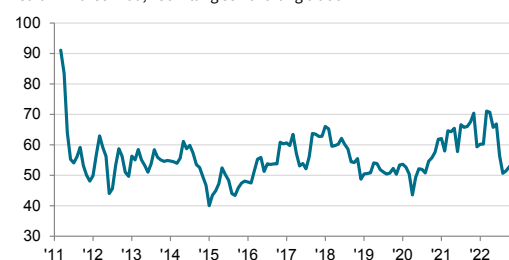
Các công ty sản xuất của Việt Nam đã giảm giá bán hàng vào giữa quý cuối của năm, khi mức tăng giá đầu vào tương đối nhẹ đã cho phép các công ty giảm giá cho khách hàng để kích thích nhu cầu. Đây là lần giảm giá cả đầu ra đầu tiên trong 27 tháng. Tất cả ba lĩnh vực sản xuất đều có giá bán hàng giảm trong tháng.

Chỉ số giá cả đầu vào

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

54.1

Tháng 11/2022



Chỉ số giá cả đầu ra

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước

47.5

Tháng 11/2022



Các hạng mục được báo cáo

Những danh sách sau cho biết những hạng mục được báo cáo tăng giá, giảm giá hoặc khan hiếm nguồn cung trong kỳ khảo sát gần đây nhất. Các hạng mục có thể được liệt kê là vừa tăng giá vừa giảm giá. Điều này có thể phản ánh các nguồn cung (ví dụ trong nước thay vì nhập khẩu), hoặc những khác biệt về giá cả đơn vị mặt hàng do số lượng đặt hàng khác nhau. Những danh sách này cũng cho biết lĩnh vực ngành báo cáo đối với mỗi hạng mục, theo mã phân loại Công nghiệp Tiêu chuẩn (SIC).

SIC codes			
10 Sản xuất hàng hóa thực phẩm	16 Đồ gỗ và các sản phẩm gỗ	22 Sản xuất cao su và các sản phẩm nhựa	28 Máy móc và thiết bị chưa được phân loại ở chỗ khác
11 Sản xuất đồ uống	17 Sản xuất giấy và các sản phẩm giấy	23 Sản xuất các sản phẩm khoáng á kim khác	29 Xe có động cơ, xe rơ moóc và xe sơ mi rơ moóc
12 Sản xuất sản phẩm thuốc lá	18 In ấn và sao chép băng đĩa	24 Sản xuất kim loại cơ bản	30 Sản xuất các thiết bị vận tải khác
13 Sản xuất hàng dệt	19 Sản xuất than cốc và các sản phẩm lọc dầu	25 Sản phẩm kim loại chế tạo	31 Sản xuất đồ đạc trong nhà
14 Sản xuất đồ trang sức	20 Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất	26 Máy tính, các sản phẩm điện tử và quang học	32 Ngành sản xuất khác
15 Sản xuất đồ da và các sản phẩm liên quan	21 Sản phẩm dược	27 Sản xuất thiết bị điện	33 Sửa chữa và lắp đặt máy móc và thiết bị

Các Mặt hàng Tăng Giá

Kim loại	SIC
Đồng	26, 27
Nhôm	23
Sắt	26, 28
Thép không gỉ	28
Hóa chất	SIC
Chất phụ gia	19
Hóa chất	20, 28, 31
Keo dán	16
Tá dược	21
Thuốc	21
Nhựa	SIC
Nhựa	22, 30
Giấy/Gỗ	SIC
Bột giấy	17
Giấy	10, 13, 26
Gỗ tròn	16
Nguyên liệu gỗ	16
Ván	31
Đóng gói	SIC
Bao bì	13, 21
Gỗ	10, 31
Cao su	SIC
Cao su	14, 22
Dệt/Vải	SIC
Chì	14
Da	14
Lụa - Sợi tổng hợp	32
Nguyên liệu may	15
Vải	13
Lương thực	SIC
Bắp	10
Bột	10
Cá	10
Đậu nành	10
Đường	10
Gạo	10
Gia vị	10
Hạt đậu	10
Hạt giống	10
Khoai lang	10
Khoai môn	10
Lúa mì	10
Sả, sả cây	10
Sữa	10
Tôm	10

Năng lượng	SIC
Than	32
Xăng	14, 20, 25, 27
Xăng dầu	10, 14, 25, 26
Hỗn hợp	SIC
Chai	10
Chi phí vận chuyển	13
Chi tiết máy may	30
Da bò	15
Máy móc thiết bị	28
Nguyên liệu	10, 11, 19, 21, 22, 28, 29
Ổng	26, 27
Phân hóa học	10
Sợi	32
Xi măng	16

Các Mặt hàng Giảm Giá

Kim loại	SIC
Đồng	26
Nhôm	25, 26
Sắt	25, 26, 28, 31
Thép	10, 13, 16, 24, 25, 28, 29, 31
Thép không gỉ	25
Thép lá	28
Sản xuất kim loại	SIC
Đinh vít	31
Thiết bị	28
Hóa chất	SIC
Axit	21
Hóa chất	23
Nhựa	SIC
Hạt nhựa	22
Nhựa	26
Giấy/Gỗ	SIC
Giấy	24
Giấy cuộn	28
Đóng gói	SIC
Bao bì	20, 22, 31
Gỗ	16, 31
Kim loại	25
Cao su	SIC
Cao su	20, 23
Dệt/Vải	SIC
Cotton, bông cotton	13
Lụa, tơ	28
Vải	28, 32
Lương thực	SIC
Sản	10
Tôm	10
Trái cây, hoa quả	10
Năng lượng	SIC
Dầu, tinh dầu, dầu hóa	19
Than	31
Xăng dầu	22
Hỗn hợp	SIC
Động cơ	26
Nguyên liệu	28, 31
Phụ tùng	26
Sợi	13

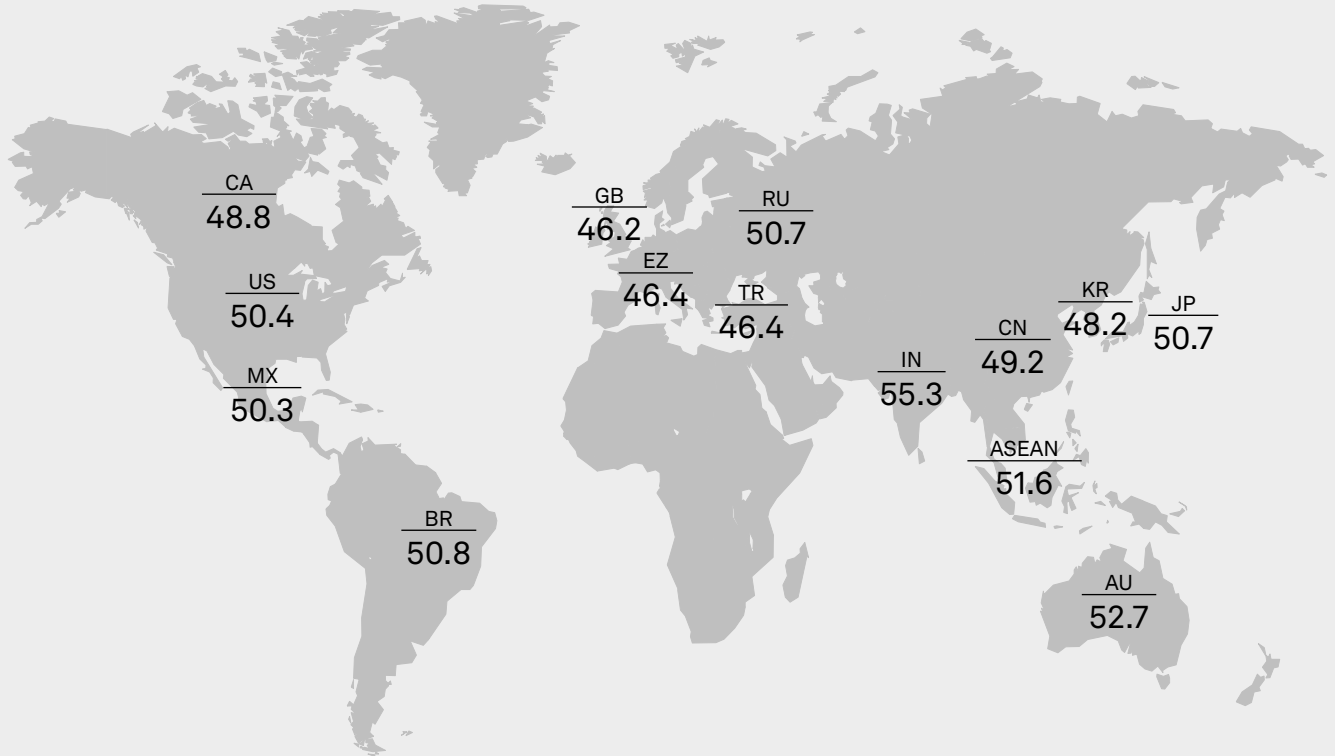
Các mặt hàng thiếu nguồn cung

Kim loại	SIC
Quặng sắt	32
Sắt	32, 33
Thép	32, 33
Thép không gỉ	28
Điện/Điện tử	SIC
Máy in	26
Giấy/Gỗ	SIC
Giấy	10
Giấy cuộn	17
Đóng gói	SIC
Gỗ	16
Lương thực	SIC
Cá	10
Tôm	10
Năng lượng	SIC
Than	19, 23, 32
Xăng	16, 28
Xăng dầu	16, 20, 28
Hỗn hợp	SIC
Nguyên liệu	10

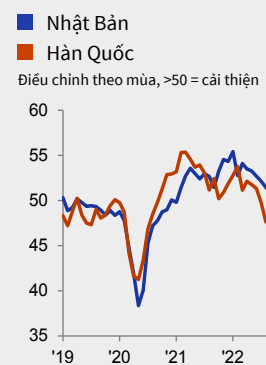
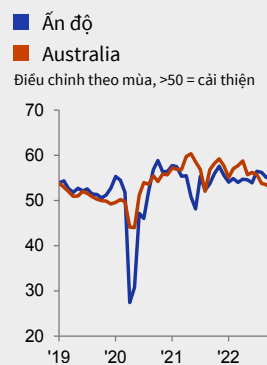
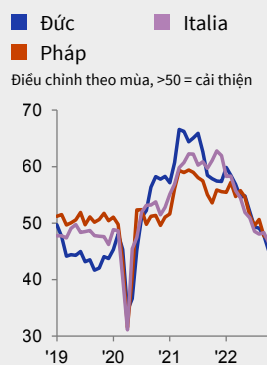
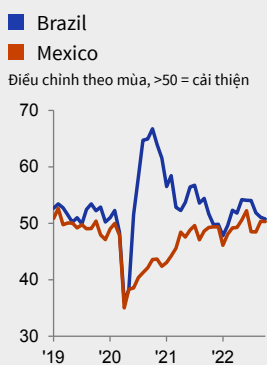
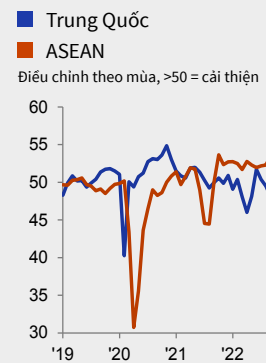
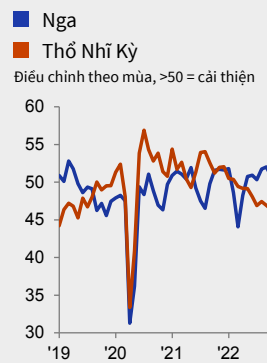
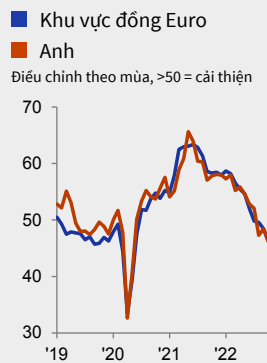
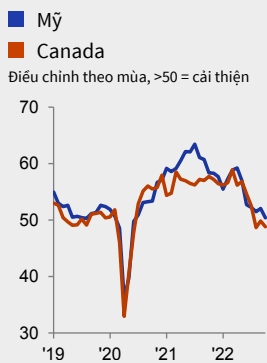
PMI quốc tế

PMI Ngành sản xuất, Tháng 10/2022

Điều chỉnh theo mùa, >50 = cải thiện so với tháng trước



PMI Ngành sản xuất



Phương pháp luận

PMI® Ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global được S&P Global thu thập từ phản trả lời cho các câu hỏi gửi cho các nhà quản trị mua hàng trong một nhóm gồm khoảng 400 nhà sản xuất. Nhóm khảo sát được phân chia theo ngành và quy mô lao động của công ty, dựa trên đóng góp vào GDP. Việc thu thập dữ liệu bắt đầu vào tháng 3/2011.

Những câu trả lời khảo sát được thu thập ở nửa cuối của mỗi tháng và cho biết chiều hướng thay đổi so với tháng trước. Một chỉ số khuếch tán được tính toán cho mỗi tham số khảo sát. Chỉ số là tổng cộng phần trăm số câu trả lời 'cao hơn' và một nửa tỷ lệ phần trăm các câu trả lời 'không thay đổi'. Các chỉ số có giá trị từ 0 đến 100, với một kết quả trên 50 thể hiện một mức tăng tổng thể so với tháng trước, và dưới 50 thể hiện một mức giảm tổng thể. Các chỉ số sau đó được điều chỉnh theo mùa.

Chỉ số toàn phần là Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Purchasing Managers' Index™ (PMI). Chỉ số PMI là số bình quân gia quyền của năm chỉ số sau: Đơn đặt hàng mới (30%), Sản lượng (25%), Việc làm (20%), Thời gian giao hàng của nhà cung cấp (15%) và Tồn kho hàng mua (10%). Để tính toán chỉ số PMI, chỉ số thời gian giao hàng của nhà cung cấp được đảo ngược để nó biến động theo một hướng có thể so sánh với các chỉ số khác.

Dữ liệu khảo sát cơ bản không được điều chỉnh sau khi xuất bản, nhưng các nhân tố điều chỉnh theo mùa có thể được điều chỉnh trong từng thời điểm khi phù hợp và những điều chỉnh này sẽ ảnh hưởng đến các chuỗi dữ liệu điều chỉnh theo mùa.

Để biết thêm thông tin về phương pháp luận của khảo sát PMI, xin liên hệ economic@ihsmarkit.com.

Ngày khảo sát

Dữ liệu được thu thập từ ngày 11 đến ngày 22 tháng 11 năm 2022.

Câu hỏi khảo sát

Lĩnh vực Sản xuất

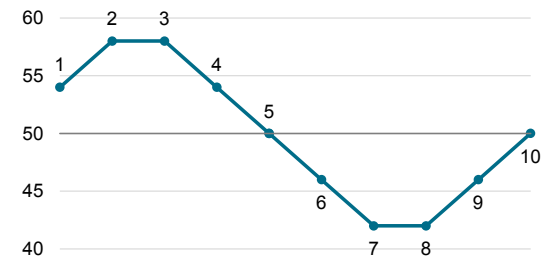
Sản lượng	Số lượng hàng mua
Đơn đặt hàng mới	Thời gian giao hàng của nhà cung cấp
Đơn đặt hàng xuất khẩu mới	Tồn kho hàng mua
Sản lượng tương lai	Giá cả đầu vào
Việc làm	Giá cả đầu ra
Công việc chưa được thực hiện	
Hàng tồn kho thành phẩm	

Tính toán chỉ số

$$\% \text{"Tăng"} + (\% \text{"Không thay đổi"})/2$$

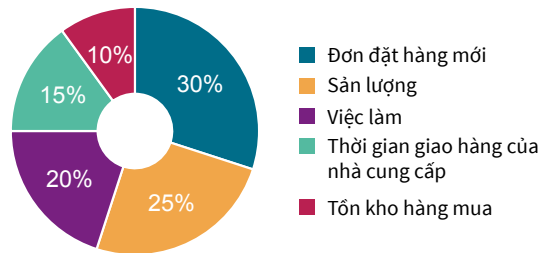
Giải thích Chỉ số

50 = không thay đổi so với tháng trước



- 1 Tăng trưởng
- 2 Tăng trưởng, tốc độ nhanh hơn
- 3 Tăng trưởng, tốc độ giữ nguyên
- 4 Tăng trưởng, tốc độ chậm hơn
- 5 Không thay đổi, sau khi tăng trưởng ở kỳ trước
- 6 Suy giảm, sau khi không thay đổi ở kỳ trước
- 7 Suy giảm, tốc độ nhanh hơn
- 8 Suy giảm, tốc độ giữ nguyên
- 9 Suy giảm, tốc độ chậm hơn
- 10 Không thay đổi, sau khi suy giảm ở kỳ trước

Trọng số cấu phần PMI



Độ bao phủ ngành

Dữ liệu PMI Ngành sản xuất bao gồm phần trả lời từ các công ty hoạt động trong toàn bộ ngành sản xuất, bao gồm những mã ngành theo Hệ thống Phân ngành ISIC Rev.4 sau:

C10 - Thực phẩm	C19 - Than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế	C29 - Các loại xe cơ động có, rơ moóc và bán rơ moóc
C11 - Đồ uống	C20 - Hoá chất và sản phẩm hoá chất	C30 - Phương tiện vận tải khác
C12 - Sản phẩm thuốc lá	C21 - Sản phẩm dược liệu cơ bản và các chế phẩm dược	C31 - Giường, tủ, bàn, ghế
C13 - Dệt	C22 - Sản phẩm từ cao su và Plastic	C32 - Chế biến, chế tạo khác
C14 - Trang phục	C23 - Sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C33 - Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị
C15 - Da và các sản phẩm liên quan	C24 - Kim loại cơ bản	
C16 - Gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C25 - Sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, trừ máy móc, thiết bị	
C17 - Giấy và sản phẩm từ giấy	C26 - Sản phẩm máy vi tính, điện tử, và quang học	
C18 - In, sao chép bản ghi các loại	C27 - Thiết bị điện	
	C28 - Máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	

Tóm tắt chỉ số

Ngành sản xuất

chính theo mùa, 50 = không thay đổi so với tháng trước. *50 = không thay đổi trong 12 tháng tới.

	PMI	Sản lượng	Đơn đặt hàng mới	Đơn đặt hàng xuất khẩu mới	Sản lượng tương lai*	Việc làm	Công việc chưa được thực hiện	Hàng tồn kho thành phẩm	Số lượng hàng mua	Thời gian giao hàng của nhà cung cấp	Tồn kho hàng mua	Giá cả đầu vào	Giá cả đầu ra
22-06	54.0	54.4	54.8	53.9	74.3	54.0	49.1	48.7	54.5	45.1	49.0	66.8	55.9
22-07	51.2	50.8	52.0	52.9	73.2	52.3	50.0	48.2	52.4	48.5	47.1	56.4	51.6
22-08	52.7	53.8	54.1	52.8	74.1	53.4	48.1	48.6	53.1	50.5	49.0	50.7	50.5
22-09	52.5	53.6	52.3	51.9	76.7	53.3	48.5	51.8	53.0	50.1	52.6	51.5	51.4
22-10	50.6	51.0	50.8	50.6	71.9	52.3	48.6	48.3	52.0	50.4	47.0	52.7	51.1
22-11	47.4	45.7	47.3	46.3	59.4	46.8	46.1	48.8	47.7	49.6	49.2	54.1	47.5

Liên hệ

Andrew Harker
Giám đốc Kinh tế
S&P Global Market Intelligence
Điện thoại: +44-1491-461-016
andrew.harker@spglobal.com

SungHa Park
Truyền thông doanh nghiệp
S&P Global Market Intelligence
Điện thoại +82 2 6001 3128
sungha.park@spglobal.com

Về chỉ số S&P Global

S&P Global (NYSE: NYSE) S&P Global chuyên cung cấp những thông tin phân tích quan trọng. Chúng tôi giúp các chính phủ, doanh nghiệp và cá nhân bằng các dữ liệu, trình độ chuyên môn phù hợp và công nghệ kết nối để họ có thể tự tin ra quyết định. Từ việc giúp khách hàng đánh giá các cơ hội đầu tư mới đến việc hướng dẫn họ trong quá trình áp dụng các tiêu chí về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) và chuyển đổi năng lượng ở tất cả các chuỗi cung ứng, chúng tôi mở ra những cơ hội mới, vượt qua những thách thức và thúc đẩy sự tiến bộ trên toàn cầu.

Chúng tôi được nhiều tổ chức hàng đầu thế giới tìm kiếm để cung cấp cho họ các bảng xếp hạng tín dụng, thước đo tiêu chuẩn, các đánh giá phân tích và các giải pháp quy trình trên các thị trường vốn, hàng hóa và ô tô toàn cầu. Với mỗi dịch vụ chúng tôi cung cấp, chúng tôi giúp các tổ chức hàng đầu thế giới lập kế hoạch cho ngày mai, ngay từ hôm nay. www.spglobal.com.

GHI CHÚ

Bản quyền sở hữu trí tuệ đối với dữ liệu cung cấp tại đây là sở hữu của hoặc được cấp phép cho S&P Global và/hoặc các chi nhánh của nó. Bất kỳ sự sử dụng trái phép nào, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc sao chép, phân phối, truyền tin hay phương thức khác, đối với bất kỳ dữ liệu xuất bản nào đều không được phép nếu không có sự đồng ý trước của S&P Global. S&P Global sẽ không có bất kỳ trách nhiệm, bổn phận hay nghĩa vụ nào đối với hoặc liên quan tới nội dung hoặc thông tin ("dữ liệu") bao gồm ở đây, bất kỳ sai sót, thiếu chính xác, bỏ sót hay chậm trễ nào của dữ liệu, hay đối với bất kỳ hành động nào được tiến hành dựa vào những dữ liệu đó. S&P Global sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại đặc biệt, ngẫu nhiên, hay là do hậu quả, nảy sinh từ việc sử dụng dữ liệu. Purchasing Managers' Index™ và PMI™ là các nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của Markit Economics Limited hoặc cấp phép cho Markit Economics Limited và/hoặc các chi nhánh.

Nội dung này được xuất bản bởi S&P Global Market Intelligence mà không phải bởi S&P Global Ratings - một bộ phận được quản lý riêng của S&P Global. Việc sao chép bất kỳ thông tin, dữ liệu hoặc tài liệu nào, bao gồm xếp hạng ("Nội dung") dưới bất kỳ hình thức nào đều bị cấm trừ khi có sự cho phép trước bằng văn bản của bên liên quan. Bên liên quan đó, các chi nhánh và nhà cung cấp của nó ("Người Cung cấp Nội dung") không bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, toàn diện, kịp thời hoặc sẵn có của bất kỳ Nội dung nào và không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót hoặc bỏ sót (do cấu trúc hay lý do khác), bất kể nguyên nhân gì, hoặc về kết quả thu nhận được từ việc sử dụng Nội dung đó. Người cung cấp Nội dung sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại, chi phí, phí tổn, phí luật sư, hoặc mất mát nào (bao gồm thu nhập bị mất hoặc lợi nhuận bị mất và chi phí có lợi) liên quan đến việc sử dụng Nội dung.

PMI®

by S&P Global